

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/9/2017

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Lê Thị Hồng Tâm**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

2. Bà **Đặng Thị Tiềm**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu**.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Liễu**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **20** tháng **9** năm **2017** tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số **215/2017/TLST-HNGĐ** ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **64/2017/QĐXXST-HNGĐ** ngày 11 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị Phương Đ**, sinh năm 1991;

Thường trú: Ấp Q, xã T, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang;

Tạm trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị Đ xin vắng mặt; vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 21/6/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị Trang Đ trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn vào năm 2013 được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 21/12/2013. Trong thời gian chung sống thì chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, không có trách nhiệm và không quan tâm đến gia đình, thường xuyên kiểm chuyện ghen tuông vô cớ, nhiều lần chửi mắng, xúc phạm đến bản thân và gia đình của chị Đ. Mặc dù chị đã nhiều lần nhẫn nhịn để

không ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên nay chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 03/7/2017, bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T không đồng ý với lời trình bày của chị Đ. Anh cho rằng không có việc anh không lo làm ăn, không có trách nhiệm và không quan tâm đến gia đình, bản thân anh vẫn chăm sóc rất tốt cho chị Đ và con cái. Việc chị Đ cho rằng anh ghen tuông thì anh cho rằng xuất phát từ việc chị Đ không cởi mở cho anh trong mối quan hệ vợ chồng. Ngoài ra, chị Đ còn thường xuyên không cho anh cơ hội để trao đổi và tìm cách trốn tránh, không gặp mặt anh chứ không phải do anh không có thiện chí hàn gắn, khiến cho mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Đ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2011. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn Lương Thị Phương Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử chị Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/7/2017 và ngày 11/8/2017 cũng như tại các phiên tòa ngày 01/9/2017 và ngày 19/9/2017, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lương Thị Phương Đ và anh Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới năm 2010 và đăng ký kết hôn vào năm 2013 được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 21/12/2013, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị Lương Thị Phương Đ cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Nguyễn Văn T không lo làm ăn, không có trách nhiệm và không quan tâm đến gia đình, thường xuyên kiểm chuyện ghen tuông vô cớ, nhiều lần chửi mắng, xúc phạm đến bản thân và gia đình của chị Đ. Mặc dù chị đã nhiều lần nhẫn nhịn để không ảnh hưởng đến hạnh phúc

gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi và khiến cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị Lương Thị Phương Đ xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn với chị Đ. Anh T cho rằng mình vẫn làm tốt vai trò của người chồng, người cha trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng là do chị Đ không chịu gặp anh trao đổi cũng như cho cơ hội để hàn gắn. Tuy nhiên, ngoài bản tự khai ngày 03/7/2017, thì anh T đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham dự các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/7/2017 và ngày 11/8/2017 cũng như tại các phiên tòa ngày 01/9/2017 và ngày 19/9/2017 dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Điều này cho thấy rằng, anh Nguyễn Văn T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị Phương Đ không còn sự yêu thương, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cũng như không thể hàn gắn để tiếp tục đời sống vợ chồng, nên chị Lương Thị Phương Đ yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa chị Lương Thị Phương Đ và anh Nguyễn Văn T có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2011. Cháu V hiện đang do chị Đ nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng. Anh T cũng có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét, từ lúc chị Đ và anh T ly thân cho đến nay, chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2011 và cháu V vẫn phát triển bình thường về mặt thể chất lẫn tinh thần, hơn nữa cháu V là con gái, nên cần thiết giao cháu V cho chị Lương Thị Phương Đ nuôi dưỡng, là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Văn T cho rằng nếu Tòa án cho ly hôn thì anh cũng yêu cầu được nuôi con nếu như ly hôn vì anh cho rằng chị Đ không chăm sóc tốt cho cháu Vy nhưng anh lại không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh, ngoài ra anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thể hiện ý chí, nguyện vọng được nuôi con của mình, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của anh T.

- Về cấp dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lương Thị Phương Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng.

Xét, việc chị Lương Thị Phương Đ yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng phù hợp theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng nuôi con chị Đ yêu cầu là chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Mục III Công văn 24/1999/KHXX, ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao, theo đó thì mức cấp dưỡng nuôi con thấp nhất $\frac{1}{2}$ lương cơ bản tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại Nghị định 47/2017/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu từ ngày 1/7/2017 là 1.300.000đ/tháng. Từ căn cứ trên, Hội đồng xét xử

chấp nhận mức cấp dưỡng mà anh T phải cấp dưỡng hàng tháng để nuôi con chung là 650.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lương Thị Phương Đ và anh Nguyễn Văn T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí:

Chị Lương Thị Phương Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự... Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Phương Đ, cho chị Đ được ly hôn với anh T, giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2011 cho chị Đ nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 650.000 đồng; tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét; chị Đ và anh T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Mục III Công văn 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị Phương Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 17/5/2011 cho chị Lương Thị Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động được.

Kể từ ngày chị Lương Thị Phương Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ Luật dân sự 2015 trên số tiền và thời gian chậm thi hành.

Anh Nguyễn Văn T có quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về án phí: Chị Lương Thị Phương Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000895 ngày 21/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lương Thị Phương Đ và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm